

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1408/TTr-SNNPTNT ngày 12/4/2023 về việc điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại

Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a và điểm b khoản 2 mục IV Điều 1:

a) *Giai đoạn 2017 - 2020*

- Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước tập trung: 205 công trình (giảm 01 công trình).

b) *Giai đoạn 2021 - 2025*

- Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước tập trung: 19 công trình (tăng 01 công trình).

2. Điều chỉnh một số mục của các phụ lục 3, 4 (gồm: mục II, IV và mục VIII phụ lục 3; mục IIX phụ lục 4) kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh (*Chi tiết tại Biểu số 01, 02 kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố liên quan tổ chức công bố, công khai các nội dung được điều chỉnh vào Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo quy định và triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, KTN.th231



Đặng Văn Minh

Biểu số 01

Điều chỉnh mục II, IV và mục VIII phụ lục 3 kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh
 (Kèm theo Quyết định số ~~225~~ **195** /QĐ-UBND ngày **19** /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (xã)	Công suất thiết kế (m3.ngđ)	Số người hưởng lợi	Kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn	Hình thức khai thác nước	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý vận hành
II	Huyện Bình Sơn								
3	HTCNSH thôn Trĩ Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	Bình Trung - Bình Nguyên	600	4.500	12.000	Ngân sách tỉnh 80%; ngân sách huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác 20%	Nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh
IV	Huyện Mộ Đức								
8	Nâng cấp, mở rộng HTCNSH xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức	Đức Thắng	300	2.330	8.500	Ngân sách tỉnh 80%; ngân sách huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác 20%	Nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh
8a	Sửa chữa, nâng cấp HTCNSH xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Đức Lợi	990	7.440	14.000	Ngân sách tỉnh 80%; ngân sách huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác 20%	Nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (xã)	Công suất thiết kế (m3.ngđ)	Số người hưởng lợi	Kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn	Hình thức khai thác nước	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý vận hành
VIII	TP. Quảng Ngãi								
18	Nâng cấp, mở rộng HTCNSH thôn Minh Quang, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	Tịnh Hòa	265	1.940	8.000	Ngân sách tỉnh 80%; ngân sách thành phố, xã và nguồn vốn hợp pháp khác 20%	Nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh

Ghi chú: (8a) công trình được chuyển từ giai đoạn 2017-2020 sang giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Mộ Đức

Biểu số 02

Điều chỉnh mục IIX phụ lục 4 kèm theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh
(Kèm theo Quyết định số ~~295~~ ²⁹⁵ /QĐ-UBND ngày ~~19~~ /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (xã)	Công suất thiết kế (m3.ngđ)	Số người hưởng lợi	Kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn	Hình thức khai thác nước	Chủ đầu tư	Đơn vị quản lý vận hành
IIX	Huyện Sơn Tịnh								
23	HTCNSH liên xã Tịnh Bắc - Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	Tịnh Sơn - Tịnh Bắc - Tịnh Đông	800	5.980	15.000	Ngân sách tỉnh 80%; ngân sách huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác 20%	Nước dưới đất	Sở Nông nghiệp và PTNT	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh